

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU ĐỨC  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07-11-2022

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Ngọc Phi.
2. Ông Bùi Huy Xuân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Nhật L, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Ông Lê Việt T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

*(Bà L, ông T vắng mặt tại phiên tòa).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Phan Thị Nhật L trình bày:* Sau khi tìm hiểu nhau được hơn 01 năm thì Bà L và ông Lê Việt T mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm

2015 và đăng ký kết hôn ngày 09-5-2016 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi sinh con thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, ông T không lo làm ăn, ham mê cờ bạc nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Sau nhiều lần khuyên can nhưng ông T vẫn không thay đổi nên từ cuối năm 2021 Bà L quyết định ly thân. Trong thời gian ly thân thì Bà L cùng con chung về sinh sống cùng gia đình tại xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cho đến nay. Trong thời gian này thỉnh thoảng ông T có đến thăm con, nhưng không phụ cấp để Bà L nuôi dưỡng con. Nay, Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà L xin được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Bà L và ông T có 01 người con chung là Lê Minh T, sinh ngày 09-8-2015, Bà L có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Minh T, sinh ngày 09-8-2015 cho Bà L được quyền nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Bà L và ông T sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay Bà L yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của ông T là xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa Bà L và ông T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới năm 2015 và có đăng ký kết hôn ngày 09-5-2016 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian cho đến khi sinh con vào năm 2015 đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo Bà L do ông T không lo làm ăn, ham mê cờ bạc nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của Bà L, Tòa án đã triệu tập ông T để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng ông T vẫn không đến. Ngoài ra, theo kết quả xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn giữa Bà L và ông T là có thật, hiện Bà L đang sống cùng cháu Tân tại tổ A, ấp B, xã C, huyện D. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa Bà L và ông T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho Bà L được ly hôn với ông T.

[2.2]. Về nuôi con chung: Bà L và ông T có 01 người con chung là Lê Minh T, sinh ngày 09-8-2015. Xét thấy, từ khi Bà L và ông T ly thân thì cháu Tân do Bà L trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu T đã trên 07 tuổi và cũng có nguyện vọng xin được sống với mẹ. Nay, Bà L có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho Bà L nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Bà L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Thị Nhật L và ông Lê Việt T.

2. Về nuôi con chung: Bà L và ông T có 01 người con chung là Lê Minh T, sinh ngày 09-8-2015;

Giao con chung Lê Minh T, sinh ngày 09-8-2015 cho bà Phan Thị Nhật L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị Nhật L không yêu cầu ông Lê Việt T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Việt T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Nhật L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007928 ngày 16 tháng 5 năm 2022; bà Phan Thị Nhật L đã nộp xong án phí DSST.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Lê Thị Thanh Nga**